TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2024/KDTM-PT
Ngày: 30-08-2024
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7, 26 và 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2024/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3382/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10844/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024.

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: B V, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Diệp Minh H, sinh năm 1991; địa chỉ: F Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 88UQ/2020 ngày 15/10/2020 của Công ty Cổ phần Đ và Giấy ủy quyền số 99/UQ/2020 ngày 15/10/2020 của Văn phòng L2).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Phước L, Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H

Địa chỉ: B Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Anh L1 – Sinh năm 1966, ông Nguyễn Anh T – Sinh năm 1970, bà Nguyễn Thị Bảo Q – Sinh năm 1967; cùng

địa chỉ: B Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 3578/UQ-BVĐHYD ngày 29/7/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Công H1, Luật sư của Công ty L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Nguyên Gia T1 (Tran Tri Gia N), sinh năm 1970

Địa chỉ: C, Khu dân cư P đường B, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố H là bị đơn.

(*Tại phiên tòa:* Ông Đặng Anh L1 và ông Nguyễn Anh T có mặt; ông Diệp Minh H, ông Hồ Phước L, bà Nguyễn Thị Bảo Q và ông Phạm Công H1 có mặt các ngày 29/7/2024 và 26/8/2024, vắng mặt ngày 30/8/2024; ông Trần Nguyên Gia T1 (T) xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải không thành, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Diệp Minh H trình bày:*

Ngày 07/4/2008 Công ty Cổ phần Đ (là Nhà thầu, *sau đây gọi tắt là Công ty Đ*) và Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H (là Chủ đầu tư, *sau đây gọi tắt là Bệnh viện*) có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 45/HĐXD "*Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng công trình Bệnh Viện Y thuộc dự án đầu tư, xây dựng và nâng cấp Bệnh Viện Y*" (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thi công xây dựng số 45* và *Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng*) tại địa điểm 215 Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thi công là 465 ngày tính từ ngày có lệnh khởi công. Giá trị hợp đồng theo hình thức điều chỉnh giá, tạm tính là 155.205.065.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ ngay từ lúc đầu khởi công đã thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình. Tuy nhiên, vì một số nguyên nhân khách quan có thể dẫn đến việc chưa hoàn thành đúng tiến độ. Để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng, tránh dẫn đến vi phạm hợp đồng mà hai bên đều không mong muốn, để tạo điều kiện thuận lợi cho nhau, hai bên thương lượng, đàm phán đi đến thống nhất ký kết 12 phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung Điều 3 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 về gia hạn thời gian hoàn thành gồm:

- Phụ lục 01/PL-HĐXD ngày 05/8/2008 (hoàn thành ngày 31/12/2009);
- Phụ lục 02/PL-HĐXD ngày 28/01/2010 (hoàn thành ngày 31/12/2010;
- Phụ lục 05/PL-HĐXD ngày 17/12/2010 (hoàn thành ngày 17/7/2011);
- Phụ lục 06/PL-HĐXD ngày 31/12/2010 (hoàn thành ngày 31/12/2012);
- Phụ lục 08/PL-HĐXD ngày 31/12/2012 (hoàn thành ngày 31/10/2013);

- Phụ lục 10/PL-HĐXD ngày 07/6/2013 (hoàn thành ngày 31/10/2013);

- Phụ lục 11/PL-HĐXD ngày 06/8/2013 (hoàn thành ngày 31/10/2013);

- Phụ lục 12/PL-HĐXD ngày 29/10/2013 (hoàn thành ngày 31/12/2013);

- Phụ lục 13/PL-HĐXD ngày 26/11/2013 (hoàn thành ngày 31/12/2013);

- Phụ lục 14/PL-HĐXD ngày 31/12/2013 (hoàn thành ngày 30/6/2014);

- Phụ lục 15/PL-HĐXD ngày 31/12/2014 (hoàn thành ngày 31/12/2015);

- Phụ lục 17/PL-HĐXD ngày 27/3/2015 (hoàn thành ngày 31/12/2015).

Công ty Đ đã thực hiện hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ đối với Bệnh viện theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45 và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Sau khi hoàn thành các hạng mục thì Công ty Đ và Bệnh viện, nhà thầu thiết kế là Công ty Y, nhà thầu giám sát thi công là Công ty TNHH C cùng tiến hành nghiệm thu đúng quy trình làm cơ sở quyết toán:

- Ngày 29/8/2015 ký Biên bản số: Trệt-Lầu 14 /NTNB/01 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng mục "b" về tiến độ xây dựng hạng mục: Ngày bắt đầu 06/4/2011, ngày hoàn thành 31/8/2015. Mục 7 kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

- Ngày 31/8/2015 ký Biên bản số: Trệt-Lầu 14 /NTBGĐVSD/01 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng trong đó có mục "b" về tiến độ xây dựng hạng mục: Ngày bắt đầu 06/4/2011, ngày hoàn thành 31/8/2015. Mục 7 kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

- Ngày 31/12/2015 ký Biên bản số: NTBGĐVSD/01 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng mục "b" về tiến độ xây dựng hạng mục: ngày bắt đầu 09/4/2008, ngày hoàn thành 31/12/2015. Mục 7 kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng.

Để tiến hành quyết toán Công ty Đ và Bệnh viện đã có Bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán, trong đó, đã chốt lại số tiền thanh toán khối lượng hoàn thành là 289.155.696.644 đồng. Công văn số 323/BVĐHYD-TCKT của Bệnh viện về việc *"Thông báo kết quả phê duyệt quyết toán gói thầu Xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng và gói thầu Lắp đặt màn che, móc treo dịch truyền và tay vịn chống va đập"* đề ngày 11/3/2020 gửi cho Công ty Đ, tại Mục 2 nêu: *Bệnh viện đã chấp nhận và phê duyệt giá trị quyết toán theo như hợp đồng 45 và các phụ lục hợp đồng tăng khối lượng thi công cũng là 289.155.696.644 đồng; đã thanh toán nhiều đợt tổng số tiền 275.317.905.465 đồng, chênh lệch tăng giảm 13.520.792.000 đồng.*

Mặc dù Công ty Đ đã nhiều lần trực tiếp đến làm việc và có văn bản gửi Bệnh viện để đề nghị thanh toán nhưng số tiền còn lại Bệnh viện phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ là 13.520.792.000 đồng từ đó đến nay vẫn không

chịu thanh toán. Lý do Bệnh viện đưa ra để không thanh toán số tiền này là do Công ty Đ vi phạm thời hạn hoàn thành và cơ quan quản lý nhà nước chưa phê duyệt. Lý do này là hoàn toàn không có căn cứ pháp lý, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng về điều khoản thanh toán vì các căn cứ pháp lý sau đây:

- Thứ nhất, Bệnh viện cho rằng Công ty Đ vi phạm thời hạn hoàn thành là không đúng vì đã có phụ lục hợp đồng về gia hạn đều được xác lập bằng phụ lục hợp đồng không thể tách rời với hợp đồng chính, cho nên không bị coi là chậm tiến độ, dẫn đến việc là không ảnh hưởng đến quyết toán (không được quyền giảm trừ tiền thi công). Điều đó chứng minh là Bệnh viện đã tự mâu thuẫn với chính mình khi cho gia hạn, nhưng sau này lại cho rằng Công ty Đ có lỗi vi phạm thời hạn hoàn thành là quá vô lý. Mặt khác, Hợp đồng thi công xây dựng số 45 là xác lập giữa hai chủ thể độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và hành vi của mình không liên quan đến bên thứ ba. Hành vi của Bệnh viện đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ. Do Bệnh viện chậm thanh toán nên phải chịu thêm tiền lãi chậm trả được tính theo mức lãi suất quá hạn liên ngân hàng là 15,15%/năm.

- Thứ hai, căn cứ pháp lý:

+ Theo quy định tại Điều 16.11 của Hợp đồng thi công xây dựng số 45 về quyền và nghĩa vụ của Bệnh viện phải: "*Thanh toán đúng giá trị và thời hạn theo điều khoản trong hợp đồng này. Trường hợp Bệnh viện thanh toán trễ hạn thì Bệnh viện sẽ chịu lãi suất trả chậm theo lãi suất ngân hàng. Ngày trễ hạn đối với khoản thanh toán chậm là không quá 30 ngày*".

+ Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 112 Luật Xây dựng 2014 thì "*Chủ đầu tư có nghĩa vụ trong việc thi công xây dựng công trình: Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình*" và tại khoản 3 Điều 144 Luật Xây dựng 2014 thì "Thanh toán hợp đồng xây dựng: *Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*".

Từ các chứng cứ, tài liệu và phân tích nêu trên đủ cơ sở pháp lý khẳng định rằng Công ty Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng, Bệnh viện đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán số tiền 13.520.792.000 đồng. Do đó có căn cứ buộc Bệnh viện phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền tạm tính gồm gốc và lãi chậm trả (từ ngày 25/6/2018 đến ngày 25/7/2023, lãi chậm trả quá hạn liên ngân hàng là 15,15%/năm) là 23.933.491.939 đồng, trong đó: *Gốc là 13.520.792.000 đồng và lãi chậm trả là: 10.412.669.939 đồng.*

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên xử: Buộc Bệnh viện có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Đ tổng số tiền gốc và lãi chậm trả (từ ngày 25/6/2018 đến ngày 25/7/2023) là 23.933.491.939 đồng đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Anh L1, ông Nguyễn Anh T, ông Trần Văn H2 trình bày:*

Căn cứ vào Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu "Xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng" số 103/QĐ-BYT ngày 14/01/2008 của Bộ Y1, Bệnh viện cùng với Công ty Đ đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 45. Thời gian thi công là 465 ngày tính từ ngày có lệnh khởi công (không kể các ngày quốc lễ theo quy định của Nhà nước). Thời hạn thi công trên không tính: Bệnh viện chưa bàn giao mặt bằng thi công cho Công ty Đ, khi Bệnh viện có sự thay đổi, bổ sung thiết kế làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công, có thiên tai, thời tiết gây ảnh hưởng đến sự an toàn trong quá trình thi công, việc chậm trễ của các nhà thầu khác không thuộc phạm vi gói thầu này gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Giá trị hợp đồng theo hình thức điều chỉnh giá là 155.205.065.000 đồng.

Theo thời gian thực hiện hợp đồng đã ký thì Công ty Đ phải hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 03/8/2009. Tuy nhiên, đến ngày 03/8/2009, Công ty Đ1 hoàn thành công trình. Trước rất nhiều ý kến phản ánh liên tục bởi công trình thi công chậm, bụi bặm, ồn ào và nhu cầu của người bệnh được thăm khám, chữa bệnh tại cơ sở mới của Bệnh viện tại thời điểm đó, ý kiến nhắc nhở của các Đoàn thanh kiểm tra về tiến độ thi công công trình, về sự lãng phí của các nguồn lực nếu công trình không đưa vào sử dụng… Bệnh viện đã ký các Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng để Công ty Đ có thể tiếp tục thi công công trình, cụ thể:

- Phụ lục 01/PL-HĐXD ngày 05/8/2008 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/12/2009);

- Phụ lục 02/PL-HĐXD ngày 28/01/2010 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/12/2010);

- Phụ lục 05/PL-HĐXD ngày 17/12/2010 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 17/7/2011);

- Phụ lục 06/PL-HĐXD ngày 31/12/2010 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/12/2012);

- Phụ lục 08/PL-HĐXD ngày 31/12/2012 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/10/2013);

- Phụ lục 10/PL-HĐXD ngày 07/6/2013 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/10/2013);

- Phụ lục 11/PL-HĐXD ngày 06/08/2013 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/10/2013);

- Phụ lục 12/PL-HĐXD ngày 29/10/2013 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/12/2013);

- Phụ lục 13/PL-HĐXD ngày 26/11/2013 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/12/2013);

- Phụ lục 14/PL-HĐXD ngày 31/12/2013 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 30/9/2014);

- Phụ lục 15/PL-HĐXD ngày 31/12/2014 (gia hạn thời gian hoàn thành đến hết ngày 31/12/2015).

Với tình hình thực hiện hợp đồng và các phụ lục hợp đồng như trên, ngày 06/6/2014 Ban Quản lý dự án và Giám sát thi công (Công ty TNHH C) đã có Văn bản số PMCL-UMC-L582 về việc báo cáo các nguyên nhân gây chậm trễ tiến độ của Công ty Đ cho công trình, trong đó có nội dung như sau: Tổng số ngày trễ tiến độ do khách quan: 167 ngày, tổng số ngày trễ tiến độ do chủ quan: Đến nay chưa hoàn thành. Ban quản Quản lý dự án và Giám sát thi công đã xác nhận tiến độ theo hợp đồng từ ngày 03/8/2009 là tiến độ ban đầu theo hợp đồng được kéo dài đến ngày 17/01/2010. Việc chấp nhận tiến độ này được thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng số 01/PL-HĐXD ngày 05/8/2009. Sau thời gian ngày 17/01/2010 thì việc chậm trễ tiên độ là hoàn toàn do nguyên nhân chủ quan của Công ty Đ. Công ty Đ gặp nhiều khó khăn về tài chính nên đã nhiều lần đề nghị Bệnh viện tiếp tục tạm ứng vốn để thực hiện công việc. Trước tình hình khó khăn của Công ty Đ như trên và nhu cầu cấp thiết sớm đưa công trình vào khai thác toàn bộ, Bệnh viện đã có Văn bản số 537/BVDHYD-QTTN ngày 22/5/2015 về việc xin phép được thực hiện các giải pháp tổ chức thi công phần còn lại của dự án Xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào cổng thuộc dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H do Công ty Đ ngưng thi công gửi Bộ Y1. Tuy nhiên Bộ Y1 không phản hồi Bệnh viện về đề xuất này. Để giải quyết tính cấp bách của công trình, đáp ứng nhu cầu của người bệnh và hạn chế lãng phí các nguồn lực nếu không đưa công trình vào vận hành khai thác, Bệnh viện đã buộc phải thỏa thuận và tạm ứng vốn cho Công ty Đ bằng cách thanh toán trực tiếp cho các nhà thầu phụ của Công ty Đ để thực hiện khối lượng còn lại của hợp đồng. Đến ngày 31/12/2015 công trình mới được nghiệm thu hoàn toàn và đưa vào sử dụng toàn bộ. Do đó, tổng thời gian trễ tiến độ so với hợp đồng là 2.341 ngày (từ ngày 04/8/2009 đến ngày 31/12/2015), trong đó tổng số ngày trễ tiến độ do nguyên nhân khách quan là 167 ngày như Ban Quản lý dự án và Giám sát thi công đã nêu ở trên. Như vậy việc Công ty Đ thực hiện chậm trễ tiến độ với những nguyên nhân hoàn toàn chủ quan từ Công ty Đ, Bệnh viện đã rất linh động tạo mọi điều kiện để Công ty Đ2 có thể thi công hoàn thành công trình.

Công ty Đ đã lập hồ sơ quyết toán với giá trị là 289.155.696.644 đồng, trong đó có 24.715.724.923 đồng là giá trị điều chỉnh trượt giá nhân công do tiến độ hợp đồng bị kéo dài từ ngày 04/8/2009 đến ngày 31/12/2015. Sau khi có kết quả kiểm toán độc lập của Công ty K tại Báo cáo số 102/2018/BCXD-CPAHN ngày 25/7/2018 về báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, Bệnh viện đã kiến nghị và trình Bộ Y1 phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ T3 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước. Trên cơ sở đề nghị quyết toán của Bệnh viện, Bộ Y1 đã cử Tổ thẩm tra quyết toán vào làm việc tại Bệnh viện từ ngày 06/12/2019 đến ngày 12/12/2019. Trong quá trình xem xét hồ sơ của Công ty Đ, Tổ thẩm tra quyết toán đã trực tiếp yêu cầu Công ty Đ cung cấp hồ sơ chứng minh nguyên nhân gây chậm trễ tiến độ thi công vì

theo khoản d Điều 15 Thông tư số 09/2016/TT-BTT quy định: "Không điều chỉnh cho trường hợp kéo dài thời gian thực hiện so với thời gian trong hợp đồng đã ký do lỗi của nhà thầu gây ra". Tổ Thẩm tra quyết toán đã cho Công ty Đ thời gian một tuần từ ngày 09/12/2019 đến ngày 16/12/2019 để cung cấp hồ sơ giải trình nguyên nhân gây chậm trễ tiến độ do yếu tố khách quan. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên Công ty Đ không cung cấp được hồ sơ theo yêu cầu. Công ty Đ đã có Văn bản số 156/CV-INV ngày 16/12/2019 về việc phê duyệt hồ sơ quyết toán hợp đồng thi công xây dựng gửi Bệnh viện đề nghị gia hạn theo thời gian cung cấp hồ sơ giải trình là 01 tháng, từ ngày 09/12/2019 đến ngày 09/01/2020. Bệnh viện đã có Văn bản số 2169/BVDHYD-TCKT ngày 23/12/2019 về việc phúc đáp Văn bản số 156/CV-INV với nội dung trả lời Công ty Đ rằng đã quá thời hạn 16/12/2019 nên Tổ Thẩm tra quyết toán đã chốt số liệu quyết toán và trình cấp có thẩm quyền là Bộ trưởng Bộ Y1 phê duyệt. Kết quả thẩm tra quyết toán của Tổ thẩm tra quyết toán đã ghi nhận phần điều chỉnh nhân công trong hồ sơ quyết toán chưa đủ cơ sở pháp lý nên Tổ Thẩm tra quyết toán chỉ chấp nhận giá trị trượt giá nhân công cho 167 ngày trễ tiến độ do nguyên nhân khách quan, có hồ sơ chứng minh hợp lý, được Ban Quản lý dự án và Giám sát thi công xác nhận. Bộ Y1 đã có Thông báo số 1597/TB-BYT ngày 31/12/2019 phê duyệt quyết toán gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào với giá trị là 275.634.905.000 đồng, giảm 13.520.792.000 đồng so với giá trị quyết toán Công ty Đ đã đề nghị. Sau ngày 31/12/2019, Công ty Đ có cung cấp cho Bệnh viện hồ sơ giải trình tiến độ thi công nhưng hồ sơ này không đảm bảo tính pháp lý (về thẩm quyền của Ban Quản lý dự án và Giám sát thi công) nên Bệnh viện không có cơ sở xem xét. Bệnh viện đã căn cứ vào giá trị được Bộ Y1 phê duyệt là 275.634.905.000 đồng để thực hiện quyết toán với Công ty Đ. Ngày 11/3/2020, Bệnh viện đã có Văn bản số 323/BVDHYD-TCKT gửi Công ty Đ thông báo kết quả quyết toán Hợp đồng như sau:

Đvt: đồng

STT	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Giá trị quyết toán A-B	289.155.697.000	(a)
2	Giá trị quyết toán chủ đầu tư đề nghị	289.155.697.000	(b)
3	Giá trị quyết toán Bộ Y tế phê duyệt	275.634.905.000	(c)
4	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	13.520.792.000	(d) = (c) – (b)
5	Giá trị đã thanh toán	275.317.905.465	(e)
6	Giá trị còn lại chưa thanh toán	317.000.000	(f) = (c) – (e)

Bệnh viện đã đề nghị Công ty Đ thực hiện các nghĩa vụ tài chính của hợp đồng, trong đó có phát hành hóa đơn giá trị gia tăng để Bệnh viện thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng nhưng đến nay Công ty Đ không thống nhất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, Bệnh viện hoàn toàn không đồng ý vì:

- Việc chậm tiến độ của Công ty Đ là do nguyên nhân hoàn toàn chủ quan từ phía Công ty Đ. Bệnh viện chấp nhận ký các phụ lục gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng nhiều lần là việc chẳng đặng đừng nhằm đảm bảo căn cứ pháp lý để

Công ty Đ có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng và cũng là để Bệnh viện có thể giải quyết các ý kiến phản ánh, ý kiến nhắc nhở từ nhiều phía về tiến độ công trình, đáp ứng nhu cầu của người bệnh và hạn chế lãng phí các nguồn lực nếu không đưa công trình vào vận hành khai thác như đã nói trên và hơn hết là phát huy hiệu quả to lớn về kinh tế xã hội của công trình sau khi đưa vào vận hành.

- Hợp đồng giữa Bệnh viện và Công ty Đ dựa trên căn cứ pháp lý cơ bản từ Quyết định số 103/QĐ-BYT ngày 14/01/2008 của Bộ Y1 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu "Xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng" và các quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt điều chỉnh dự án của Bộ Y1 làm cơ sở để ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh. Như vậy, ngay từ đầu đã khẳng định Bộ Y1 chính là cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định trực tiếp đến việc triển khai thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 45. Bên cạnh đó, tại điểm 8.3.3 khoản 8.3 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 về thanh toán hợp đồng đã thỏa thuận rõ rằng Bệnh viện thanh toán cho Công ty Đ 97% giá trị khối lượng công việc theo hợp đồng sau 15 ngày kể từ khi hồ sơ quyết toán hợp đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, kết quả thực hiện hợp đồng hoàn toàn bị chi phối bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Bộ Y1 theo các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Do đó, Công ty Đ phải có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán của Bộ Y1.

- Do Bộ Y1 đã phê duyệt giá trị quyết toán là 275.634.905.000 đồng nên Bệnh viện không thể chi trả khoản tiền mà Bộ Y1 đã phê duyệt giảm trừ giá trị hợp đồng là 13.520.792.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của Công ty Đ. Công ty Đ phải có nghĩa vụ chấp hành phê duyệt của Bộ Y1 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Thông tư số 09/2016/TT-BTC và thỏa thuận tại điểm 8.3.3 khoản 8.3 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nguyên Gia T1 (Tran Tri Gia N) trình bày:*

Ông T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C. Vào năm 2008 công ty là quản lý giám sát và tư vấn dự án của dự án đầu tư và xây dựng, mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H. Vào thời điểm thực hiện dự án, công ty có Văn bản số PMCL-UMC-L582 ngày 06/6/2014 về Báo cáo các nguyên nhân trễ tiến độ của nhà thầu Investco cho công trình Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H. Theo các tài liệu do Bệnh viện cung cấp là các bảng thống kê nguyên nhân trễ tiến độ và thời gian được cộng thêm vào tiến độ của Công ty Đ, ông T1 có ý kiến như sau: Chữ ký Trần Gia Nguyên T2 trên các tài liệu nêu trên là chữ ký được khắc trên con dấu do Công ty TNHH C giữ, không phải chữ ký do ông T2 trực tiếp ký ra. Ông T2 không phải là người đóng các dấu chữ ký này trên các văn bản nêu trên. Vì năm 2013 ông T2 đã không còn làm việc tại Công ty TNHH C nữa. Thời gian sau đó ông T2 không biết những sự việc có liên quan đến việc thực hiện dự án giữa Công ty Đ với Bệnh viện. Theo ông T2 được biết Công ty TNHH C đã chấm dứt hoạt động. Nay thời gian đã quá lâu, ông T2 cũng không nhớ những nội dung có liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nhận thấy bản thân không có liên quan gì đến vụ án này, ông T2 đề nghị Tòa án không triệu tập ông T2

tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo như yêu cầu của Bệnh viện. Do bận công việc nên ông T2 xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ.

Buộc Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố H phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 13.520.792.000 đồng (mười ba tỷ năm trăm hai mươi triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và lãi suất chậm trả của số tiền trên tạm tính kể từ ngày 25/6/2018 đến ngày 17/01/2024 là 10.161.708.661 đồng. Tổng cộng là 23.682.500.661 đồng. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/01/2024 Bệnh viện có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Q và ông Phạm Công H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau đây:

- Dự án đầu tư, xây dựng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H là dự án sử dụng vốn ngân sách nên phải tuân theo các quy định của pháp luật về sử dụng vốn nhà nước.

- Tại phiên phúc thẩm thì nguyên đơn đã không thể chứng minh, cũng không có bằng chứng nào để chứng minh việc bị đơn có đầy đủ thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng ngược lại bị đơn đã chứng minh được bị đơn không có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và cũng không có văn bản nào của Bộ Y1 chuyển giao quyền cho bị đơn nên về cơ bản không có việc bị đơn xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, mà chỉ là bị đơn đang tuân thủ quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn giá trị thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 45 số tiền là 275.317.905.465 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn mới chỉ phát hành hóa đơn GTGT cho bị đơn với giá trị lũy kế là 169.122.531.755 đồng. Căn cứ vào giá trị quyết toán của hợp đồng do Bộ Y1 phê duyệt là 275.634.905.000 đồng thì nguyên đơn phải xuất hóa đơn bổ sung cho bị đơn giá trị là 106.512.373.245 đồng (275.634.905.000

đồng - 169.122.531.755 đồng) nên bị đơn mới là bên bị thiệt hại, bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp.

- Điều 8.3.3 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 là điều kiện phát sinh trách nhiệm thanh toán, phù hợp với quy định về giao dịch dân sự có điều kiện tại Điều 120 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo Điều 404 Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí của các bên được thể hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng. Điều 8.3.3 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 quy định : "…hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt". Tức là hai bên khi giao kết hợp đồng đã hiểu rõ về việc bị đơn không phải là cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Hai bên đều là tổ chức đăng ký hoạt động tại Việt Nam, đương nhiên có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam. Pháp luật không phải là bên thứ ba và các bên đương nhiên phải làm theo quy định pháp luật. Các bên hiểu rõ hồ sơ quyết toán không được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đương nhiên chỉ áp dụng đúng theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Thực tế, nguyên đơn và bị đơn ký Bảng quyết toán với ý nghĩa thống nhất cùng nhau trình Bộ Y1 phê duyệt chứ không có ý nghĩa là nguyên đơn đã đồng ý thanh toán cho bị đơn. Ngay tại văn bản này mà hai bên ký cũng dùng từ "đề nghị thanh quyết toán" tại tiêu đề và nhắc lại tại mục 6, không hề dùng từ có ý nghĩa về nghĩa vụ thanh toán của bị đơn. Bị đơn có đầy đủ bằng chứng chứng minh rằng nguyên đơn hiểu rõ, nhận thức rõ việc phải tuân thủ quy định với công trình vốn nhà nước trong việc phê duyệt quyết toán. Tại thời điểm quyết toán ngày 31/12/2019 thì Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 có hiệu lực, quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước. Vì vậy, tại thời điểm hai bên giao kết hợp đồng và tại thời điểm quyết toán thì thẩm quyền phê duyệt quyết toán vẫn là của Bộ Y1.

- Cơ quan quản lý nhà nước là Bộ Y1, chủ đầu tư là Bệnh viện đã tuân thủ đúng việc phê duyệt dự toán cho Dự án sử dụng vốn nhà nước vào thời điểm quyết toán theo đúng quy định của Luật Xây dựng năm 2014. Vì vậy, nhận định của Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003 để cho rằng bị đơn có quyền và có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn là nhận định hoàn toàn sai trái, nhận định này chính là hành vị bị nghiêm cấm theo khoản 5 Điều 12 Luật Xây dựng năm 2014.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Diệp Minh H và ông Hồ Phước L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các lý do sau đây:

- Công ty Đ và Bệnh viện đều có tư cách pháp nhân, đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 45 thì phải chịu trách nhiệm pháp lý theo hợp đồng. Công ty Đ đã thực hiện hợp đồng, thi công công trình đạt chất lượng tốt. Các bên đã chốt khối lượng công việc thì Bệnh viện phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

- Lý do Bệnh viện không chịu thanh toán là do Bộ Y1 không phê duyệt quyết toán vì cho rằng Công ty Đ chậm trễ thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, khối lượng công việc tăng thì phải kéo dài thời gian thực hiện. Hai bên đã tự nguyện ký phụ lục hợp đồng, có giá trị pháp lý, kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng.

- Bộ Y1 không phải là một bên trong hợp đồng. Tại Điều 8.3.3 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 cũng không có chỉ định cơ quan có thẩm quyền. Công ty Đ đã thi công hoàn thành công trình thì Bệnh viện phải thanh toán, còn việc phê duyệt là vấn đề nội bộ. Doanh nghiệp xây dựng xong thì Nhà nước phải trả tiền.

- Việc bổ sung hồ sơ cho Bộ Y1 theo Văn bản số 156/CV-INV ngày 16/12/2019 của Công ty Đ không phải là trách nhiệm của Công ty Đ mà Công ty Đ chỉ hỗ trợ Bệnh viện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bệnh viện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ về việc buộc Bệnh viện trả nợ phát sinh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45 cụ thể như sau: Nợ gốc là 317.000.000 đồng, nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ về việc buộc Bệnh viện trả nợ phát sinh là 13.203.792.000 đồng, nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Nguyên Gia T1 (Tran Tri Gia N), đồng thời, ông T1 cũng có đơn xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông T1.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Về việc thanh toán 97% khối lượng công việc theo hợp đồng:

Tại khoản 8.3.3 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 các bên thỏa thuận về việc thanh toán như sau: "*Sau khi thi công hoàn tất công trình, bên A thanh toán cho bên B 97% khối lượng công việc theo hợp đồng sau 15 ngày kể khi bên B thực hiện bàn giao hạng mục (gói thầu) và bên A nhận được tất cả các phiếu kiểm tra, biên bản nghiệm thu công việc-giai đoạn-hạng mục, kết quả thí nghiệm-thử nghiệm, chứng chỉ nguồn gốc-xuất xứ (nếu là hàng nhập khẩu), văn bản xác nhận đào tạo vận hành-bảo dưỡng (nếu có) cho nhân sự của bên A và hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt*".

Theo đó, sau khi thi công hoàn tất Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng, Bệnh viện sẽ thanh toán cho Công ty Đ 97% khối lượng công việc theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45 sau 15 ngày kể từ khi Công ty Đ thực hiện bàn giao gói thầu này và Bệnh viện nhận được tất cả các phiếu kiểm tra, biên bản nghiệm thu công việc-giai đoạn-hạng mục, kết quả thí nghiệm-thử nghiệm, chứng chỉ nguồn gốc-xuất xứ (nếu là hàng nhập khẩu), văn bản xác nhận đào tạo vận hành-bảo dưỡng (nếu có) cho nhân sự của Bệnh viện và hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bệnh viện đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu sau đây:

- Quyết định số 441/QĐ-BYT ngày 16/02/2001 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc cho phép chuẩn bị đầu tư Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 5324/QĐ-BYT ngày 12/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 889/QĐ-BYT ngày 31/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài và chỉ định đơn vị thiết kế Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H (nhà thầu thiết kế là Công ty Y);

- Quyết định số 573/QĐ-BYT ngày 20/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt lại Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 2227/QĐ-BYT ngày 23/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu xây lắp của Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 4621/QĐ-BYT ngày 10/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt lại Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 564/QĐ-BYT ngày 12/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu năm 2007 Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 3824/QĐ-BYT ngày 08/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt lại kế hoạch đấu thầu xây lắp Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Hồ sơ mời thầu gói thầu: Xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng công trình Bệnh Viện Đ thuộc dự án đầu tư, xây dựng, mở rộng và nâng cấp Bệnh Viện Đ thực hiện bởi Công ty TNHH C vào tháng 10/2007;

- Quyết định số 103/QĐ-BYT ngày 14/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng;

- Quyết định số 300/QĐ-BYT ngày 25/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc thành lập Ban Q1 và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 1468/QĐ-BYT ngày 28/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt lại tổng mức đầu tư Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 98/QĐ-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt lại tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 1288/QĐ-BYT ngày 08/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt lại thời gian thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H;

- Quyết định số 5441/QĐ-BYT ngày 21/02/2020 Bộ trưởng Bộ Y1 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành "Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh Viện Đ".

Xét, căn cứ nội dung các tài liệu nêu trên, có thể thấy rằng, Bộ Y1 là cơ quan có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến Dự án đầu tư Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H, cụ thể như: Ngày 16/02/2001 cho phép chuẩn bị đầu tư dự án; ngày 12/12/2001 phê duyệt dự án; ngày 31/3/2005 phê duyệt dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài và chỉ định đơn vị thiết kế; ngày 20/02/2006 phê duyệt lại dự án; ngày 23/6/2006 phê duyệt kế hoạch đấu thầu xây lắp của dự án; ngày 10/11/2006 phê duyệt lại dự án; ngày 12/02/2007 phê duyệt kế hoạch đấu thầu năm 2007 của dự án; ngày 08/10/2007 phê duyệt lại kế hoạch đấu thầu xây lắp của dự án; ngày 14/01/2008 phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng của dự án; ngày 25/01/2008 thành lập Ban Q1; ngày 28/4/2008 phê duyệt lại tổng mức đầu tư của dự án; ngày 11/01/2013 phê duyệt lại tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của dự án; ngày 08/4/2016 phê duyệt lại thời gian thực hiện của dự án; ngày 21/02/2020 phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Vì vậy, có cơ sở xác định, cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng theo thỏa thuận của các bên tại khoản 8.3.3 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 là Bộ Y1. Điều này cũng được Công ty Đ thừa nhận tại Văn bản số 156/CV-INV ngày 16/12/2019 của Công ty Đ gửi Bộ Y1 và Bệnh viện.

Xét, tại Quyết định số 103/QĐ-BYT ngày 14/01/2008 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng Bộ Y1 đã quyết định như sau:

Điều 1. Nay chuẩn y đề nghị của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố H về việc công nhận Công ty Đ trúng thầu gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng với giá trị 155.205.065.000 đồng; thời gian thi công 465 ngày.

Điều 2. Đại học Y Dược Thành phố H là Chủ đầu tư, được phép thương thảo và ký hợp đồng với nhà thầu trên theo đúng quy định về hợp đồng kinh tế và quy định quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Nhà nước với các điều kiện cụ thể sau:

A) Công trình phải hoàn thành đúng thiết kế được duyệt với chất lượng cao.

B) Phương thức thực hiện hợp đồng là "Hợp đồng có điều chỉnh giá", giá thanh toán chỉ được phép điều chỉnh khi trong quá trình thi công có thay đổi như sau:

- Thay đổi nội dung công việc đã ghi trong bản tiên lượng kèm theo Hồ sơ mời thầu do chủ đầu tư yêu cầu, cơ quan thiết kế chấp thuận.

- Giá cả vật tư, vật liệu xây dựng nếu có biến động lớn nhà thầu không có khả năng cân đối để thực hiện, ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ công trình Bộ Y1 sẽ xem xét cụ thể để cho phép việc điều chỉnh.

- Chế độ chính sách về chi phí xây dựng, nếu Nhà nước cho phép thay đổi sẽ được Bộ Y1 xem xét điều chỉnh giá thanh toán theo các quy định hiện hành.

C) Tiến độ, chất lượng công trình, vật tư vật liệu thi công đúng như cam kết trong hồ sơ dự thầu.

D) Trường hợp thật sự cần thiết phải xử lý việc thay đổi thiết kế thì chủ đầu tư được phép quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Y1.

E) Thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Theo đó, tại quyết định này Bộ Y1 đã quy định về quyền hạn của Chủ đầu tư dự án (lúc này là Đại học Y Dược Thành phố H, chưa phải là Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H) chỉ được phép thương thảo và ký hợp đồng với Công ty Đ theo đúng quy định về hợp đồng kinh tế và quy định quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Nhà nước với các điều kiện cụ thể nêu trên. Có thể thấy rằng, chủ đầu tư không có quyền quyết định vấn đề gì liên quan đến dự án, mà chỉ trong trường hợp thật sự cần thiết phải xử lý việc thay đổi thiết kế thì chủ đầu tư mới được phép quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Y1. Đối với việc điều chỉnh giá thanh toán của hợp đồng thì chỉ được phép điều chỉnh nếu thỏa mãn các điều kiện nhất định và Bộ Y1 là cơ quan xem xét cụ thể để cho phép việc điều chỉnh.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, tại Quyết định số 103/QĐ-BYT ngày 14/01/2008 của Bộ Y1 xác định Bệnh viện là chủ đầu tư dự án, Bộ Y1 chỉ xem xét và điều chỉnh khi giá vật tư, vật liệu xây dựng nếu có biến động lớn nhà thầu không có khả năng cân đối để thực hiện, ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ công và chế độ chính sách về chi phí xây dựng nếu Nhà nước cho phép thay đổi, do vậy, Bệnh viện có quyền quyết định các vấn đề trong hoạt động thi công dự án, là không có cơ sở, không phù hợp với nội dung Quyết định số 103/QĐ-BYT ngày 14/01/2008 của Bộ Y1.

[3.2] Về việc thanh toán đợt cuối (thanh lý hợp đồng):

Tại khoản 8.3.4 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 các bên thỏa thuận về việc thanh toán như sau: "*Thanh toán đợt cuối (thanh lý hợp đồng): Bên A sẽ thanh toán đợt cuối 3% tổng giá trị còn lại cho bên B sau 15 ngày khi đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và hết hạn bảo hành công trình. Trường hợp bên B nộp bảo lãnh bảo hành (không điều kiện) được phát hành bởi một tổ chức tín dụng, được bên A chấp thuận, bên A sẽ thanh toán cho bên B 3% tổng giá trị hợp đồng sau 15 ngày kể từ khi nhận được bảo lãnh bảo hành*". Ngoài ra, tại khoản 5.3 Điều 5 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 các bên thỏa thuận về việc bảo hành công trình như sau: "*Bên A sẽ được giữ lại 3% tổng giá trị hợp đồng làm tiền bảo hành*".

Theo đó, đồng thời với thỏa thuận tại khoản 8.3.3 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45, Bệnh viện sẽ thanh toán đợt cuối 3% tổng giá trị còn lại theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45 theo hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho Công ty Đ sau 15 ngày khi đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và hết hạn bảo hành công trình. Trường hợp Công ty Đ nộp bảo lãnh bảo hành (không điều kiện) được phát hành bởi một tổ chức tín dụng, được Bệnh viện chấp thuận, Bệnh viện sẽ thanh toán cho Công ty Đ 3% tổng giá trị hợp đồng sau 15 ngày kể từ khi nhận được bảo lãnh bảo hành".

Tại khoản 5.2 Điều 5 Hợp đồng thi công xây dựng số 45 các bên thỏa thuận về việc bảo hành công trình như sau: "*Thời hạn bảo hành công trình là 24 tháng được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao toàn bộ hạng mục công trình theo Nghị định 209/2004/NĐ-CP và thực hiện nghiệm thu theo phụ lục số 7 trong nghị định này*".

Theo đó, thời hạn bảo hành Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng là 24 tháng được tính từ ngày nghiệm thu bàn giao toàn bộ gói thầu này.

Xét, Biên bản số: Trệt – Lầu 14 /NTBGĐVSD/01 nghiệm thu nội bộ hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng ngày 29/8/2015, Biên bản số: NTBGĐVSD/01 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng ngày 31/12/2015, Biên bản số: NTBGĐVSD/01 nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng ngày 31/12/2015 và sự thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định: Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng được nghiệm thu hoàn toàn và đưa vào sử dụng toàn bộ vào ngày 31/12/2015. Công ty Đ không nộp bảo lãnh bảo hành

(không điều kiện) được phát hành bởi một tổ chức tín dụng. Và Công ty Đ đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành khi hết hạn bảo hành công trình vào ngày 31/12/2017 (24 tháng tính từ ngày 31/12/2015).

[3.3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét, trên cơ sở sự thừa nhận của Công ty Đ và Bệnh viện trong quá trình giải quyết vụ án, phù hợp với B xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị quyết toán do hai bên lập, Thông báo số 1597/TB-BYT ngày 31/12/2019 của Bộ Y1 thông báo giá trị quyết toán hạng mục Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng, có cơ sở xác định kết quả thanh quyết toán đối với Hợp đồng thi công xây dựng số 45 như sau:

Đvt: đồng

STT	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Giá trị quyết toán A-B	289.155.697.000	(a)
2	Giá trị quyết toán chủ đầu tư đề nghị	289.155.697.000	(b)
3	Giá trị quyết toán Bộ Y tế phê duyệt	275.634.905.000	(c)
4	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	13.520.792.000	(d) = (c) – (b)
5	Giá trị đã thanh toán	275.317.905.465	(e)
6	Giá trị còn lại chưa thanh toán	317.000.000	(f) = (c) – (e)

Theo đó, giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền là Bộ Y1 phê duyệt là 275.634.905.000 đồng, giá trị Bệnh viện đã thanh toán cho Công ty Đ là 275. 317.905.465 đồng (trong đó, Công ty Đ đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Bệnh viện với giá trị lũy kế là 169.122.531.755 đồng), số tiền Bệnh viện còn phải thanh toán cho Công ty Đ đối với Hợp đồng thi công xây dựng số 45 là 317.000.000 đồng và Công ty Đ còn phải phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho Bệnh viện với giá trị là 106.512.373.245 đồng (275.634.905.000 đồng - 169.122.531.755 đồng).

Xét, như đã phân tích tại các mục [3.1], [3.2], căn cứ thỏa thuận của các bên tại các khoản 8.3.3 và 8.3.4 Điều 8 Hợp đồng thi công xây dựng số 45, trên cơ sở hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền là Bộ Y1 phê duyệt vào ngày 31/12/2019 theo Thông báo số 1597/TB-BYT, thì Bệnh viện phải thanh toán cho Công ty Đ 100% khối lượng công việc theo hợp đồng (bao gồm 3% tổng giá trị hợp đồng làm tiền bảo hành) theo hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt với số tiền là 317.000.000 đồng với thời hạn là sau 15 ngày kể từ ngày 31/12/2019, tức là thời điểm phải thanh toán là ngày 16/01/2020.

Theo đó, hiện nay Bệnh viện vẫn chưa thanh toán cho Công ty Đ số tiền nợ gốc nêu trên là chậm thanh toán, do tại Hợp đồng thi công xây dựng số 45 các bên không thỏa thuận về tiền lãi do chậm thanh toán nên Công ty Đ được quyền yêu cầu Bệnh viện trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 với mức lãi suất theo yêu cầu của Công ty Đ là 13,5%/năm như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận tại bản án sơ thẩm.

Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ phát sinh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45 cụ thể như sau: Nợ gốc là 317.000.000 đồng, nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2024) với lãi xuất 13,5%/năm là 171.180.000 đồng, tổng cộng là 488.180.000 đồng. Theo đó, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ phát sinh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45 cụ thể như sau: Nợ gốc là 13.203.792.000 đồng, nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 25/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2024) là 9.990.528.661 đồng, tổng cộng là 23.194.320.661 đồng.

[3.4] Từ những nhận định nêu trên, phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H.

Sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ.

1.1. Buộc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền là 488.180.000 (*Bốn trăm tám mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn*) đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng số 45/HĐXD "*Gói thầu xây dựng phần thân (nhà 15 tầng) và hàng rào, cổng công trình Bệnh Viện Y thuộc dự án đầu tư, xây dựng và nâng cấp Bệnh Viện Y*" ngày 07/4/2008 giữa Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H và Công ty Cổ phần Đ, bao gồm: Nợ gốc là 317.000.000 đồng, nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2024) là 171.180.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ về việc buộc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H phải trả cho Công ty Cổ phần Đ tổng số tiền là 23.194.320.661 (*Hai mươi ba tỷ một trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm sáu mươi mốt*) đồng.

3. Về án phí:

3.1. Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 131.194.321 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 64.309.604 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0036206 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đ phải nộp thêm số tiền là 66.884.717 đồng.

3.2. Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H phải chịu án phí sơ thẩm là 23.527.200 đồng.

3.3. Hoàn trả cho Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011119 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Quốc Thịnh